

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

(Quý 4/2019)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

| NAV ngày 30/09/2019 (VNĐ) | NAV ngày 31/12/2019 (VNĐ) |
|---------------------------|---------------------------|
| 102.254.834.329 | 103.421.498.423 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 1,14% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cuối Quý 3.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày Giao dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

| | |
|----------------------------------|-----------------|
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 100.658.549.200 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 10.065.854,92 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.065.854,92 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.658.549.200VND.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VND.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

| Cơ cấu tài sản quỹ | 31/12/2019 (%) | 31/12/2018 (%) | 31/12/2017 (%) |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Tiền gửi ngân hàng | 2,33 | N/A | N/A |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 0 | N/A | N/A |
| 3. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng | 77,94 | N/A | N/A |
| 4. Chứng chỉ tiền gửi | 19,73 | N/A | N/A |
| Cộng | 100,00 | N/A | N/A |

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
|--|-----------------|------------|------------|
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ) | 103.421.498.423 | N/A | N/A |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.065.854,92 | N/A | N/A |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 10.274,49 | N/A | N/A |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.274,49 | N/A | N/A |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.164,78 | N/A | N/A |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (*) | N/A | N/A |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (*) | N/A | N/A |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (*) | N/A | N/A |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 1,14 | N/A | N/A |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | N/A | N/A |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 1,14 | N/A | N/A |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (**) | N/A | N/A |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (**) | N/A | N/A |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (**) | N/A | N/A |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,10 | N/A | N/A |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 19,44 | N/A | N/A |

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - 1 năm | N/A | N/A |
| - 3 năm | N/A | N/A |
| - Từ khi thành lập | 3,99% | N/A |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 15,68% (***) | 15,68% |

4. Tăng trưởng hàng năm:

| Thời kỳ | 31/12/2019 (%) | 31/12/2018 (%) | 31/12/2017 (%) | 31/12/2016 (%) |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 3,99 | N/A | N/A | N/A |

Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

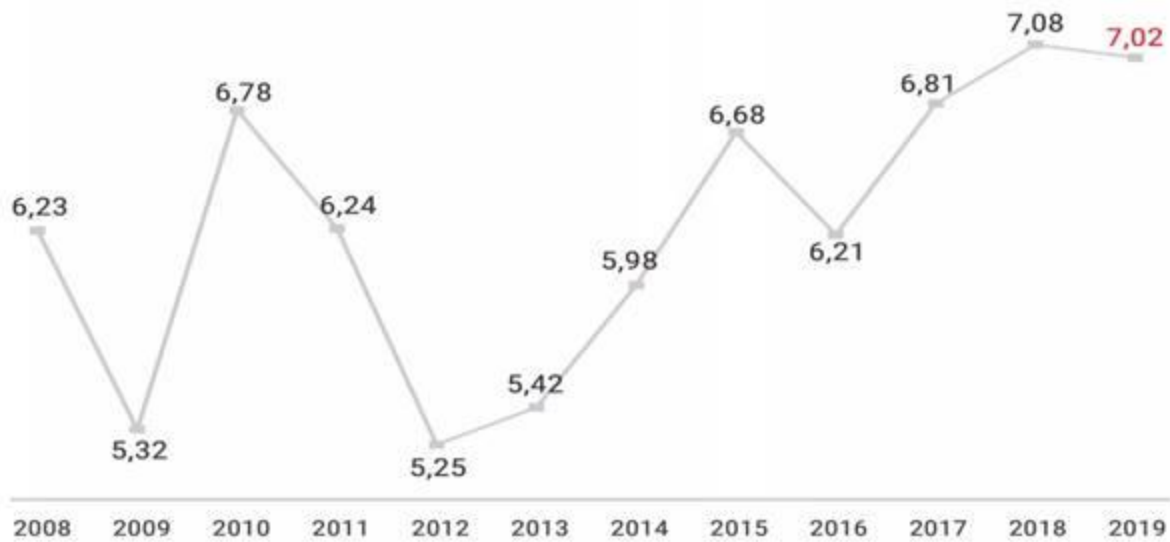
N/A (**): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

(***): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX tại thời điểm 31/12/2019.

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế Vĩ mô:

Năm 2019, GDP Việt Nam tăng 7,02%. vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt kết quả ấn tượng trên 7%.



Tăng trưởng GDP qua các năm

Năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Điều này cho thấy chất lượng tăng trưởng kinh tế đã được cải thiện rõ rệt trong năm qua.

1.1. Hoạt động kinh tế trong nước đạt được nhiều kết quả ấn tượng

Tính chung năm 2019, cả nước có 138,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.730,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% về số doanh nghiệp, tăng 17,1% về vốn đăng ký so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2019 đạt 12,5 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước. Trong đó, có 7 doanh nghiệp Việt Nam nằm trong danh sách 200 công ty có doanh thu trên 1 tỷ USD tốt nhất tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương do Forbes Asia 2019 công bố.

Trong lĩnh vực đầu tư xã hội, theo báo cáo xếp hạng đầu tư của Mỹ, Việt Nam đứng thứ 8 trong số 20 quốc gia dẫn đầu có nền kinh tế tốt nhất để đầu tư, tăng 15 bậc từ vị trí thứ 23 năm 2018. Tính đến hết tháng 11, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 31,8 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 17,62 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Thu ngân sách nhà nước ước đạt trên 1,6 triệu tỷ đồng. Qua 11 tháng của năm 2019, bội thu ngân sách Nhà nước ước đạt 114,5 nghìn tỷ đồng. Đây đang là giai đoạn thu ngân sách tốt nhất kể từ năm 2013, đồng thời, chủ trương chung về siết chặt, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển và quản chặt bội chi ngân sách Nhà nước đã được thực hiện chặt chẽ, mang lại hiệu quả tích cực: Nợ công của Việt Nam trong năm 2019 giảm mạnh, xuống mức dưới 55% GDP. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam cũng đạt mốc kỷ lục: 80 tỷ USD trong năm 2019.

Năng lực Cạnh tranh toàn cầu (GCI), trong đó, Việt Nam đứng thứ 67 trên 141 nền kinh tế năm nay với 61,5 điểm trên thang điểm 100. Năm 2018, Việt Nam chỉ xếp thứ 77 trên 140 nền kinh tế với 58,1 điểm. Mức tăng 10 bậc, 3,5 điểm của Việt Nam là nhiều nhất và duy nhất trên thế giới.

1.2. Lạm phát vẫn kiểm soát

Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, lạm phát năm 2019 chỉ đạt 2,73%. Như vậy lạm phát năm 2019 thấp nhất trong 3 năm gần đây khi năm 2018 là 3,54% và năm 2017 là 3,53%. Lạm phát duy trì ở mức thấp tiếp tục tạo cơ hội cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện các chính sách nới lỏng tiền tệ linh hoạt và hiệu quả hơn.



Lạm phát Việt Nam, giai đoạn 2010-2019

Tuy vậy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, mức tăng cao nhất trong 9 năm qua. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 3,42% do dịch tả lợn châu Phi làm nguồn cung thịt lợn giảm, giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn, thay thế thịt lợn

tăng. Nếu không có chính sách điều tiết lương thực hợp lý sẽ tạo áp lực lớn cho lạm phát năm 2020.

1.3.Cán cân thanh toán thặng dư, tăng trưởng xuất khẩu tăng đột biến so với nhập khẩu nhờ hưởng lợi từ chiến tranh thương mại

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2019 ước tính đạt 516,96 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2019 ước tính đạt 21,8 tỷ USD, giảm 4,4% so với tháng trước. Tính chung cả năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2018.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12/2019 ước tính đạt 22,8 tỷ USD, tăng 6,8% so với tháng trước. Tính chung năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018.

Những con số ấn tượng này giúp Việt Nam lọt Top 30 quốc gia có tăng trưởng xuất nhập khẩu tốt trên thế giới.

2. Thị trường chứng khoán:

Thị trường Chứng khoán Việt Nam hồi phục lên mức 997,8 điểm nhờ thông tin GDP quý 4 tăng trưởng tích cực (tăng 7,31%). Nhóm cổ phiếu ngân hàng cùng một số cổ phiếu blue-chip là động lực tăng trưởng của VN Index. Ngày 27/9, tổ chức xếp hạng thị trường FTSE Russell tiếp tục giữ Việt Nam ở danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp và sẽ đánh giá lại vào kỳ đánh giá thường niên tháng 9/2020.

Thị trường Trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong quý 4 giao dịch sideway so với cuối quý 3/2019 về lợi suất do thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng. Điều này góp phần làm việc hấp thụ đầu giá trái phiếu chính phủ thuận lợi. Lợi suất Trái phiếu Chính phủ trên thị trường thứ cấp diễn biến cùng chiều với thị trường sơ cấp, với sự sụt giảm khoảng 40 – 80 bps so với thời điểm cuối quý 2/2019 trong đó giảm mạnh nhất là kỳ hạn 5 năm và 15 năm. Tính từ đầu năm, lợi suất TPCP đã giảm 100-160 bps.

Lũy kế từ đầu năm 2019, khối ngoại mua ròng 1,88 tỷ USD trên thị trường chứng khoán (1,23 tỷ USD cổ phiếu và 650,4 triệu USD trái phiếu).

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
|-----------------|--|--|---|
| A | 1 | 2 | 3 |

| | | | |
|--|------------|------------|--------------|
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 1,18% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 0,00 |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 2,74% |
| Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 2,74% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

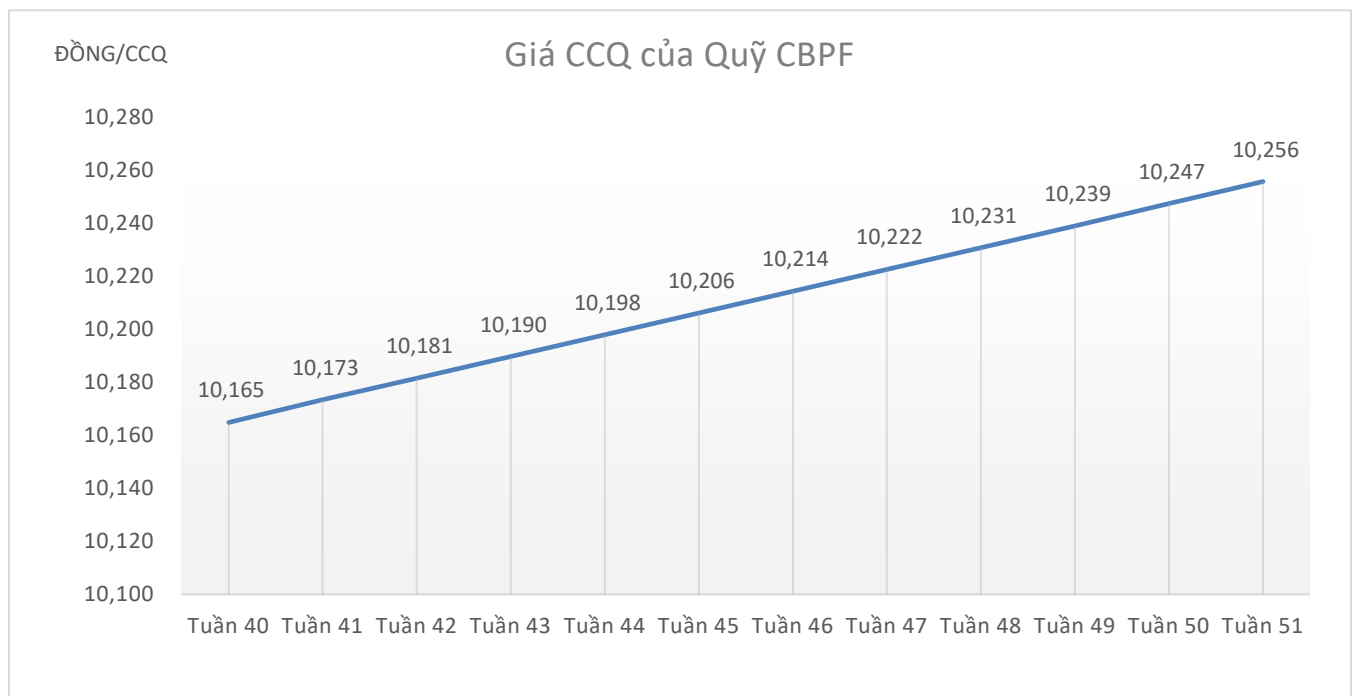
Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.

N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

● **Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:**



● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 30/06/2019 | Tỷ lệ thay đổi |
|--|-----------------|-----------------|--------------------|
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 103.421.498.423 | 102.254.834.329 | 1,14% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10.274,49 | 10.163,39 | 1,09% |

Trong giai đoạn từ 30/09/2019 đến 31/12/2019 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 1,14% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|----------------|
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5.000 | 133 | 61.466,07 | 0,61% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 6 | 44.899,01 | 0,45% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | - | - | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 98,94% |
| Tổng cộng | 140 | 10.065.854,92 | 100,00% |

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Xu hướng nói lòng chính sách tiền tệ được dự báo sẽ tiếp tục trong tương lai gần để thúc đẩy nền kinh tế. Do vậy, khả năng lợi suất Trái phiếu chính phủ và lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục giảm và duy trì mức thấp như hiện tại. Dòng vốn đầu tư FPI được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng. Với nhiều thông tin tích cực từ các chính sách vĩ mô, VNIndex được dự báo sẽ vượt 1.000 điểm trong năm nay.

Tuy vậy, tương tự như nhiều quốc gia trong khu vực, Việt Nam vẫn sẽ chịu rủi ro địa chính trị đặc biệt là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Biến động của thị trường trong giai đoạn cuối năm 2019 vẫn được dự báo duy trì ở mức cao.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|--------------------|----------------------|----------|---|
| Lâm Hải Tuấn | Chủ tịch Công ty | Kỹ sư | Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam |
| Bùi Thanh Hiệp | Phó chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng bộ phận Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt nam Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

Ban đại diện quỹ gồm có:

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|------------------|------------|----------|--|
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC Từ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam. Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 6/2018 - nay: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |

| | | | |
|-----------------|------------|---------|---|
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | <p>Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC</p> <p>Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC</p> <p>Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới</p> <p>Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia</p> <p>Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir</p> <p>Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân</p> |
|-----------------|------------|---------|---|

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|-------------------|------------|----------|---|
| Phạm Minh Thắng | Thành viên | CFA | <p>Từ 2010 - 2011: Chuyên viên phân tích đầu tư - VPĐD Công ty Quản lý Quỹ Việt Nam</p> <p>Từ 2011 - 2012: Chuyên viên tài chính - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential</p> <p>Từ 2012 - 2013: Chuyên viên Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Á Châu</p> <p>Từ 2013 - nay: Phó phòng đầu tư - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life</p> |
| Đinh Thị Hồng Anh | Thành viên | Thạc sỹ | <p>Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn - Ngân hàng TMCP Á Châu.</p> <p>Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt nam</p> <p>Từ 2014 - nay: Giám sát cấp II - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life</p> |

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE
Phó Chủ tịch Công ty

Bùi Thanh Hiệp

